TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - TUYÊN QUANG** --- Số: 24/2026/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ---------- *Tuyên Quang, ngày 12 tháng 02 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4- TUYÊN QUANG

Căn cứ Điều 212, 213, khoản 2 Điều 149, khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 46/2026/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2026 về việc Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình:*

+ Bà Phạm Thị H, sinh năm 1977; CCCD số 002177005683 do Cục trưởng Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Bộ Công an cấp ngày 05/9/2022.

+ Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1972; CCCD số 037072006349 do Cục trưởng Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Bộ Công an cấp ngày 27/6/2021.

Cùng địa chỉ: Tổ 19, phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 02 năm 2026, bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Đức T đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ việc Hôn nhân và gia đình, cụ thể như sau:

[1]. Quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Đức T nhất trí đề nghị Toà án công nhận thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung: Các con chung của bà H và ông T đã trưởng thành nên không đề nghị giải quyết.

[3]. Về tài sản chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

[4]. Về công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

[5]. Về lệ phí: Bà Phạm Thị H tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm ly hôn là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* và 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng*) nộp thay ông Nguyễn Đức T tại phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 - Tuyên Quang, biên lai số 0000239 ngày 03 tháng 02 năm 2026.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Đức T tự nguyện thuận tình ly hôn.

- Về con chung, tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Phạm Thị H tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* và 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng*) nộp thay ông Nguyễn Đức T tại phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 - Tuyên Quang, biên lai số 0000239 ngày 03 tháng 02 năm 2026.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7[a] và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND KV4- TQ;
- TAND tỉnh TQ;
- THADS TQ;
- UBND P Hà Giang 1;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Kim Quy